TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/01/2023 tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 117/2022/QĐST- HNGĐ ngày 26/12/2022**,** giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N; sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 6 , phường HT, thành phố ĐH, tỉnh QB; địa chỉ cần báo: Số nhà 40 đường HVC, tổ dân phố 9, phường ĐP, thành phố ĐH, tỉnh QB.Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế H; sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 6, phường HT, thành phố ĐH, tỉnh QB; địa chỉ cần báo: Số nhà 84 đường LTĐ, tổ dân phố 5, phường HT, thành phố ĐH, tỉnh QB. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/9/2022**,** được bổ sung tại bản tự khai ngày 13/10/2022 cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh Nguyễn Thế H kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2008 quyển số: 01/2008 ngày 22/02/2008. Anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp không tìm được tiếng nói chung. Anh H ham chơi, không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng cải nhau, xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, hai bên nội ngoại của hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết, nhưng không đưa lại kết quả gì mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng Vì thương con chị N đã cố gắng và chịu đựng để níu kéo cuộc hôn nhân và không muốn gia đình đổ vỡ. Mặc dù trong gia đình chị đã làm tròn bổn phận một người vợ, người mẹ, vì quá mệt mỏi và không thể chịu đựng được nên chị đã thuê phòng trọ ở và sống ly thân hơn một năm nay, chị N một mình nuôi con và lo lắng cho con. Anh H chưa một lần trợ cấp tiền nuôi con vì chị biết anh không đủ khả năng nên chị cũng không đòi hỏi gì. Năm 2020 chị N làm đơn xin ly hôn với anh H và được Toà án triệu tập đến làm việc, nhưng tại các phiên hoà giải anh H xin cho anh một cơ hội để sửa chữa và chị N đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con, nhưng từ đó đến nay anh H cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay chị N nhận thấy cuộc sống hạnh phúc của anh chị không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng xác định không còn, cuộc sống chung không có, nên nguyện vọng chị Trần Thị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

- Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hân N, sinh ngày 25/8/2008 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/10/2014.

Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị N xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con là Nguyễn Hân N, và anh Nguyễn Thế H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của chị N cũng phù hợp với nguyện vọng của các con tại đơn trình bày của hai cháu Nguyễn Hân N và Nguyễn Anh T, cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu T có nguyện vọng được ở với ba.

- Về quan hệ tài sản chung:

Chị Trần Thị N khai vợ chồng không có tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho anh Nguyễn Thế H kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tòa án đã gửi giấy triệu tập hợp lệ cho anh H nhưng anh H từ chối nhận văn bản tố tụng và cố tình không hợp tác, do đó Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng anh H vẫn không đến Tòa án.

Ngày 24/10/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh xác minh sự vắng mặt, có mặt của anh Nguyễn Thế H tại nơi cư trú. Qua xác minh tại Công an phường Hải Thành và tổ dân phố 6, phường Hải Thành thì hiện nay anh H vẫn đang có hộ khẩu tại Tổ dân phố 6, phường HT, thành phố ĐH, tỉnh QB và anh H hiện đang có mặt tại địa phương là tổ dân phố 5, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Tòa án và Tổ trưởng tổ dân phố đã có mặt tại nhà riêng của anh H để tiến hành giao các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh H cố tình không làm việc. Việc Tòa án giải quyết đơn xin ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng anh H không hợp tác, do bị đơn không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Hội thẩm nhân dân đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Thế H. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Hân N, sinh ngày 25/8/2008 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Anh T sinh ngày 23/10/2014 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N, anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung: Không có, không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Nguyễn Thế H có Hộ khẩu thường trú là Tổ dân phố 6, phường HT, thành phố ĐH, tỉnh QB. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho anh H kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng anh H từ chối không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải tại nơi cư trú của bị đơn, đồng thời tiến hành xác minh có mặt, vắng mặt tại tổ dân phố nơi anh H đang cư trú. Nhận thấy, việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được. Vì vậy Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2022 nhưng bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2022 và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 11/01/2023 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thế H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thế H đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 03/2008 quyển số: 01/2008 ngày 22/02/2008 tại tại Uỷ ban nhân dân phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Đáng lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên thiếu thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống mà vợ chồng gặp phải, không biết cùng nhau gánh vác chuyện gia đình, không tìm được tiếng nói chung sau đó để mặc cuộc sống gia đình, sống ly thân, ai lo việc nấy không quan tâm gì đến nhau. Chị N đã một lần làm đơn đến Toà án để xin ly hôn anh H. Điều đó thể hiện vợ chồng đã có mâu thuẫn xảy ra. Nay chị N xác định vợ chồng tình cảm không còn nên chị

làm đơn xin ly hôn. Về phía anh H biết rõ chị N làm đơn xin ly hôn nhưng anh H cũng không đến Tòa án trình bày ý kiến, không có ý kiến gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc và cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thế H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hân N, sinh ngày 25/8/2008; Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/10/2014.

Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị N xin được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Hân N, và anh Nguyễn Thế H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T, nguyện vọng của chị N cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Xét điều kiện của anh chị hiện nay đã sống ly thân, cháu N hiện nay đang ở với mẹ đã trên 7 tuổi có đơn xin trình bày nguyện vọng được ở cùng với chị N, cháu T đang ở với bố và có đơn xin trình bày nguyện vọng được ở cùng với bố. Vì vậy cần giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý cần chấp nhận. Giao cháu T cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cũng là nguyện vọng của chị N và các con, không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng của chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình cũng là phù hợp với nguyện vọng của các con chị, cần được chấp nhận. Chị Trần Thị N, anh Nguyễn Thế H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung:

Chị Trần Thị N khai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thế H không phải chịu.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N.

Tuyên xử: Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thế H.

2. Về quan hệ con chung:

Xử: Giao con chung là cháu Nguyễn Hân N, sinh ngày 25/8/2008 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/10/2014 cho anh Nguyễn Thế H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu nộp số tiền là 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Số tiền chị phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên lai số: 31AA/2021/0001279 ngày 03 tháng 10 năm 2022.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thế H không phải chịu.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023) bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Đồng Hới;
- VKSND thành phố Đồng Hới
- Các đương sự;
- UBND phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ